

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.8.24

Group B16

Round 4

Board 1

WHITE Zhong, Taoyu						FED CHN			RESULT (W) 1/2		
BLACK Shen, Fuyan						FED CHN			RESULT (B) 1/2		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Rac1	Rc8	41			61		
2	c4	e6	22	Kf2	b6	42			62		
3	g3	d5	23	b3	Ra5	43			63		
4	Bg2	dc	24	R4c2	h6	44			64		
5	Nf3	Bb4	25	Rd2	Rc7	45			65		
6	Bd2	a5	26	h4	Ra3	46			66		
7	Bc2	Nc6	27	g4	Bc6	47			67		
8	Qc4	Qd5	28	Bc6	Rc6	48			68		
9	Qd3	Qc4	29	Rd4		49			69		
10	Qe4	Ne4	30			50			70		
11	Bb4	ab	31			51			71		
12	Nb2	Nd2	32			52			72		
13	Kd2	Bd7	33			53			73		
14	Rd1	Ke7	34			54			74		
15	Ke1	Ra5	35			55			75		
16	Ne5	Ne5	36			56			76		
17	de	c6	37			57			77		
18	Rc4	Rb5	38			58			78		
19	f4	Ra8	39			59			79		
20	Be4	c5	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Zhong, Taoyu			Shen, Fuyan			Can					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.8.23

Group B16

Round 4

Board 1

WHITE Zhong, Taoyu						FED			RESULT (W) 1/2		
BLACK Shen, Fuyan						FED			RESULT (B) 1/2		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Rac1	Rc8	41			61		
2	c4	e6	22	Kf2	b6	42			62		
3	g3	d5	23	b3	Ra5	43			63		
4	Bg2	dc	24	R4c2	h6	44			64		
5	Nf3	Bb4	25	Rd2	Rc7	45			65		
6	Bd2	a5	26	h4	Ra3	46			66		
7	Qc2	Ne6	27	g4	Bc6	47			67		
8	Qc4	Qd5	28	Bc6	Rc6	48			68		
9	Qd3	Qc4	29	Rd4		49			69		
10	Qe4	Ne4	30			50			70		
11	Bb4	ab	31			51			71		
12	Nb2	Nd2	32			52			72		
13	Kd2	Bd7	33			53			73		
14	Rh1	Ke7	34			54			74		
15	Ke1	Ra5	35			55			75		
16	Ne5	Ne5	36			56			76		
17	de	c6	37			57			77		
18	Rc4	Rb5	38			58			78		
19	f4	Ra8	39			59			79		
20	Be4	c5	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Zhong, Taoyu			Shen, Fuyan			Can					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date
2026.8.21

Group
U16
Round
4
Board
2

WHITE Tengwendalai, Gombat						FED MGL			RESULT (W) 1		
BLACK Zhou, Tony						FED HKG			RESULT (B) 0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	c4	c6	21			41			61		
2	M43	d5	22			42			62		
3	e3	Nf6	23			43			63		
4	Nc3	e6	24			44			64		
5	b3	Bd6	25			45			65		
6	Bb2	O-O	26			46			66		
7	Be2	e5	27			47			67		
8	rd	cd	28			48			68		
9	Nb5	Nc6	29			49			69		
10	nd6	ad6	30			50			70		
11	d4	e4	31			51			71		
12	Nes	Ne8	32			52			72		
13	Nc6	bc	33			53			73		
14	Qc1	Qg6	34			54			74		
15	Ba3	Qg2	35			55			75		
16	Qc5	nd6	36			56			76		
17	Qd6	Bg4	37			57			77		
18	Rf1		38			58			78		
19			39			59			79		
20			40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date

Group
U16
Round
4
Board
2

WHITE Tengwendalai, Gombat						FED			RESULT (W) 1		
BLACK Zhou, Tony						FED			RESULT (B) 0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	c4	c6	21			41			61		
2	Nf3	d5	22			42			62		
3	e3	Nf6	23			43			63		
4	Nc3	e6	24			44			64		
5	b3	Bd6	25			45			65		
6	Bb2	O-O	26			46			66		
7	Be2	e5	27			47			67		
8	cd	cd	28			48			68		
9	Nb5	Nc6	29			49			69		
10	nd6	Qd6	30			50			70		
11	d4	e4	31			51			71		
12	Nes	Ne8	32			52			72		
13	Nc6	bc	33			53			73		
14	Qc1	Qg6	34			54			74		
15	Ba3	Qg2	35			55			75		
16	Qc5	nd6	36			56			76		
17	Qd6	Bg4	37			57			77		
18	Kf1		38			58			78		
19			39			59			79		
20			40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date

Group
B16
Round
3
Board
3

B16-4-3 12216

WHITE Dang Thai Vu						FED VIE		RESULT (W)		1	
BLACK Thirop As Syahsyah Syakish						FED INA		RESULT (B)		0	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Bf3	Qd6	41			61		
2	Nf3	g6	22	kg2	gr	42			62		
3	g3	Bg7	23	rb7	rb7	43			63		
4	Bg2	ds	24	ab7	Ner	44			64		
5	O-O	c6	25	ahr	Qd4	45			65		
6	c4	dc4	26	ae8	Qe5	46			66		
7	Ner	Ng4	27	Rc1	Rd4	47			67		
8	Ng4	Bg4	28	h3	Ner	48			68		
9	Be3	Be6	29	Qc6	Nb2	49			69		
10	Nc3	O-O	30	Rc3	Rd6	50			70		
11	Qd2	Nab	31	Qb7	Rc6	51			71		
12	Rd1	Qd1	32	Rc3	Qd6	52			72		
13	Bh6	Rfd8	33	Rc6	Qe6	53			73		
14	Bg3	kg7	34			54			74		
15	ds	cd5	35			55			75		
16	Nds	fb	36			56			76		
17	Qe3	Bd6	37			57			77		
18	Rd6	Qc7	38			58			78		
19	Rb5	Rb8	39			59			79		
20	Qa7	Rd2	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
											

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

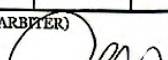


Date

24-8

Group
B16
Round
4
Board
3

B16-4-3 12216

WHITE						FED		RESULT (W)			
Dang Thai Vu						VIE		1			
BLACK						FED		RESULT (B)			
Thirot As Syahsyah Syakish						INA		0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	MF6	21	Bf3	Hd6	41			61		
2	MF3	g6	22	Kg2	g5	42			62		
3	g3	Tg7	23	Xb7	Xb7	43			63		
4	Tg2	d5	24	Hb7	Mc5	44			64		
5	O-O	c6	25	Hb5	Hd4	45			65		
6	c4	dc	26	He8	Qe5	46			66		
7	Ne5	Ng4	27	Xc1	Xd4	47			67		
8	Ng4	Bg4	28	h3	Ne4	48			68		
9	Be3	Te6	29	He6	Hd2	49			69		
10	Mc3	O-O	30	Xc3	Xd6	50			70		
11	Hd2	Ma6	31	Hb7	Re6	51			71		
12	XFd1	Hd7	32	Xe3	Hd6	52			72		
13	Th6	XFd8	33	Xe6	Hd6	53			73		
14	Tg7	Vg7	34	Hd5		54			74		
15	d5	cd	35			55			75		
16	Md5	H6	36			56			76		
17	He3	Td5	37			57			77		
18	Xd5	Hc7	38			58			78		
19	Xb5	Xab8	39			59			79		
20	Hxa2	Kd2	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Vu											

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

B1b-4-4

10240



Date

Group B1b

Round 4

Board 4

WHITE S. Charvin						FED			RESULT (W) 1		
BLACK Zhao TSHAN						FED			RESULT (B) 0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Bg2		41			61		
2	M4	Nc6	22			42			62		
3	Bd1	a6	23			43			63		
4	Ba4	Nf6	24			44			64		
5	d3	Bf5	25			45			65		
6	c3	b7	26			46			66		
7	Bc2	e7	27			47			67		
8	b3	8-6	28			48			68		
9	O-O	Re8	29			49			69		
10	h3	h6	30			50			70		
11	Re1	Rf7	31			51			71		
12	Qe2	g6	32			52			72		
13	Qb3	Bg3	33			53			73		
14	g4	g7	34			54			74		
15	Re2	Rad8	35			55			75		
16	Nf4	Qf7	36			56			76		
17	Bd1	e6	37			57			77		
18	Re2	Rf7	38			58			78		
19	Nf2	Qf7	39			59			79		
20	Bd3	N	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK) Zhao TSHAN			SIGNATURE (ARBITER)					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

B1b-4-4

10240



Date

Group B1b

Round 4

Board 4

WHITE S. Charvin						FED			RESULT (W) 1		
BLACK Zhao TSHAN						FED			RESULT (B) 0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Bg3		41			61		
2	Nc3	Nc6	22			42			62		
3	Bb3	a6	23			43			63		
4	Ba4	Nf6	24			44			64		
5	d3	Bf5	25			45			65		
6	c3	b7	26			46			66		
7	Bc2	e7	27			47			67		
8	Nd4	O-O	28			48			68		
9	O-O	Re8	29			49			69		
10	h3	b6	30			50			70		
11	Re1	Rf7	31			51			71		
12	Qe2	g6	32			52			72		
13	exd5	Bb3	33			53			73		
14	g4	Rc3	34			54			74		
15	Re2	Rad8	35			55			75		
16	Nxc3	Qg7	36			56			76		
17	Bd1	Rd6	37			57			77		
18	Nep	Re6	38			58			78		
19	Nm	Qh4	39			59			79		
20	Bb3	N3	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK) Zhao TSHAN			SIGNATURE (ARBITER)					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date
Aug. 24, 2026

Group
B16

Round
4

Board
5

WHITE Jaymiel Piel			FED PHI			RESULT (W)		
BLACK Yuren Wei			FED CHN			RESULT (B)		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Bb3	Kh7	41	Kg2	Bc8
2	Nf3	Nc6	22	Rf1	Qe7	42	Ra7	Rd7
3	Bc4	Nf6	23	Qd2	Bd1	43	Ng5	Kh8
4	d3	h6	24	a4	f5	44	Rf8	Ba8
5	c3	d6	25	Ng2	Fxe4	45	Ra8	Bh6
6	Nbd2	g6	26	dxe4	Ng5	46	Rxc8	Kg7
7	O-O	Bg7	27	Nh4	Bc6	47	Nc4	Kf4
8	Re1	O-O	28	b5	Bd7	48	Nac7	Bc3
9	Nf1	Nh5	29	Red1	Bh3	49	Bc6	Rh7
10	Bd4	Qf6	30	Rf2	Rad8	50	Nd5	Kg5
11	Ne3	Nf4	31	Bas	b6	51	Nxe3	Ra7
12	g3	Nh4	32	g5	Bd7	52	h4	Kh6
13	Kg2	Kh8	33	c4	Nec6	53	Ra8	Re7
14	Nd5	Qd8	34	Ng2	Ng5	54	Nd5	Rf7
15	Nh4	Ng5	35	Bxg5	Oxg5	55	Nxb6	Kg7
16	Kh1	Ne7	36	Oxg5	hxg5	56	Nd7	g5
17	Nxe7	Oxe7	37	axb6	axb6	57	b6	gxh4
18	Bc3	Qf6	38	Ra1	g4	58	b7	hxg3
19	Rc1	Nh3	39	Ne1	gxf3	59	b8=Q	
20	F3	Be4	40	Nxf3	Bh4	60		
SIGNATURE (WHITE) Jaymiel Piel			SIGNATURE (BLACK) Wei Yuren			SIGNATURE (ARBITER) Cui		

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date
2026.8.24

Group
B16

Round
4

Board
5

WHITE Piel Jaymiel			FED PHI			RESULT (W)		
BLACK Wei Yuren			FED CHN			RESULT (B)		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Bb3	Kh7	41	Kg2	Bc8
2	Nf3	Nc6	22	Rf1	Qe7	42	Ra7	Rd7
3	Bc4	Nf6	23	Qd2	Bd1	43	Ng5	Kh8
4	d3	h6	24	a4	f5	44	Rf8	Ba8
5	c3	d6	25	Ng2	Fxe4	45	Ra8	Bh6
6	Nbd2	g6	26	dxe4	Ng5	46	Rxc8	Kg7
7	O-O	Bg7	27	Nh4	Bc6	47	Nc4	Kf4
8	Re1	O-O	28	b5	Bd7	48	Nc7	Bc3
9	Nf1	Nh5	29	Rcd1	Bh3	49	Bc6	Rh7
10	Bd4	Qf6	30	Rf2	Rad8	50	Nd5	Kg5
11	Ne3	Nf4	31	Bas	b6	51	Nxe3	Ra7
12	g3	Nh4	32	g5	Bd7	52	h4	Kh6
13	Kg2	Kh8	33	c4	Nec6	53	Ra8	Re7
14	Nd5	Qd8	34	Ng2	Ng5	54	Nd5	Rf7
15	Nh4	Ng5	35	Bxg5	Oxg5	55	Nxb6	Kg7
16	Kh1	Ne7	36	Oxg5	hxg5	56	Nd7	g5
17	Nxe7	Oxe7	37	axb6	axb6	57	b6	gxh4
18	Bc3	Qf6	38	Ra1	g4	58	b7	hxg3
19	Rc1	Nh3	39	Ne1	gxf3	59	b8=Q	
20	F3	Be4	40	Nxf3	Bh4	60		
SIGNATURE (WHITE) Jaymiel Piel			SIGNATURE (BLACK) Wei Yuren			SIGNATURE (ARBITER) Cui		

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8.24

Group B16
Round 4

Board 6

WHITE Durngajumun						FED MGL			RESULT (W) 1		
BLACK BUUN JUNGOK						FED KOR			RESULT (B) 0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Qf2	Qb8	41			61		
2	c3	Nf6	22	Bc5	Rf8	42			62		
3	e5	Nf5	23	Bd6	Rxb6	43			63		
4	Bc4	Nb6	24	Bd1	Qb6	44			64		
5	Bb3	e6	25	Qc5	Qb3	45			65		
6	Nf3	d6	26	Qf2	Nb9	46			66		
7	ed	Bxb6	27	Qd9	g5	47			67		
8	O-O	O-O	28	f5	es	48			68		
9	d4	cd	29	Qe3	a4	49			69		
10	cd	Bd7	30	f6	Qb6	50			70		
11	Nc3	Bc6	31	Rd1		51			71		
12	Nd5	Qc7	32	1-0		52			72		
13	f4	Nb7	33			53			73		
14	Qe2	Ra18	34			54			74		
15	Bes	Nf6	35			55			75		
16	Rac1	Nf5	36			56			76		
17	Bd1	Bxf5	37			57			77		
18	de	Nxc3	38			58			78		
19	Bxb6	Nd5	39			59			79		
20	Bd4	ag	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE) Durngajumun			SIGNATURE (BLACK) BUUN JUNGOK			SIGNATURE (ARBITER) [Signature]					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8/24

Group B16
Round 4

Board 6

WHITE Duurenkhishia Bat-erdene						FED			RESULT (W) 1		
BLACK BYUN JUN SEOK						FED			RESULT (B) 0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Qf2	Qb8	41			61		
2	c3	Nf6	22	Bc5	Rf8	42			62		
3	e5	Nf5	23	Bd6	Rxb6	43			63		
4	Bc4	Nb6	24	Qb6	axb6	44			64		
5	Bb3	e6	25	Qc5	Qb8	45			65		
6	Nf3	d6	26	Qf2	Nb4	46			66		
7	exd6	Bxb6	27	Qd4	ag	47			67		
8	O-O	O-O	28	f5	e6	48			68		
9	d4	cd4	29	Qe3	q4	49			69		
10	cd4	Bd7	30	f6	Qd6	50			70		
11	Nc3	Bc6	31	Rd1		51			71		
12	Nd5	Qc7	32			52			72		
13	f4	Nb7	33			53			73		
14	Qe2	Ra8	34			54			74		
15	Bes	Nf6	35			55			75		
16	Rac1	Nf5	36			56			76		
17	Bd2	Bf5	37			57			77		
18	dxes	Nxc3	38			58			78		
19	Bxc3	Nd5	39			59			79		
20	Bd4	Qb6	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE) Duurenkhishia Bat-erdene			SIGNATURE (BLACK) BYUN JUN SEOK			SIGNATURE (ARBITER) [Signature]					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8/14/2026

Group B16
Round 4
Board 07

WHITE Sun, Chang-Jyu						FED		RESULT (W)	
BLACK Mao, Zixin						FED		RESULT (B)	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#
1	e4	e5	21	Rac1	Be8	61			
2	Nf3	Nc6	22	Rc3	Qd5	62			
3	Bc4	Bc5	23	Rfc1	Kh8	63			
4	c3	Nf6	24	Nd3	Ref6	64			
5	d4	ed	25	Ne5		65			
6	e5	d5	26			66			
7	Bb5	Ne4	27			67			
8	cd	Bbb	28			68			
9	Nc3	o-o	29			69			
10	Be3	Bg4	30			70			
11	h3	Bh5	31			71			
12	Qc2	Nc3	32			72			
13	bxc3	f6	33			73			
14	Bcb	bc	34			74			
15	ef	Qf6	35			75			
16	Ne5	Ra8	36			76			
17	o-o	Qb6	37			77			
18	a4	a5	38			78			
19	c4	dc	39			79			
20	Qc4	Reb	40			80			
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)			
Sun			Mao Zixin			Can			

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8/24

Group B16
Round 4
Board 7

WHITE Sun, Chang-Jyu						FED		RESULT (W)	
BLACK Mao, Zixin						FED		RESULT (B)	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#
1	e4	e5	21	Rac1	Be8	41			
2	Nf3	Nc6	22	Rc3	Qd5	42			
3	Bc4	Bc5	23	Rfc1	Kh8	43			
4	c3	Nf6	24	Nd3	Ref6	44			
5	d4	ed	25	Ne5		45			
6	e5	d5	26			46			
7	Bb5	Ne4	27			47			
8	cd	Bbb	28			48			
9	Nc3	o-o	29			49			
10	Be3	Bg4	30			50			
11	h3	Bh5	31			51			
12	Qc2	Nc3	32			52			
13	bc	f6	33			53			
14	Bcb	bc	34			54			
15	ef	Qf6	35			55			
16	Ne5	Ra8	36			56			
17	o-o	Qb6	37			57			
18	a4	a5	38			58			
19	c4	dc	39			59			
20	Qc4	Reb	40			60			
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)			
Sun			Mao Zixin			Can			

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 24.8.26

Group U16
Round 4
Board 8

WHITE Hein Myat Thu						FED MYA			RESULT (W) 1		
BLACK Yang, Ya-cheng						FED TPE			RESULT (B) 0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Nf3	c5	21	f5	b5	41	Rcc	Ra5	61	Ke3	d4+
2	c4	Nf6	22	Nd5	Bxd5	42	Rc8	Ke4	62	Ke2	Kd5
3	Nc3	Nc6	23	cxds	Qbc	43	b6	Ras+	63	Ras+	Kc4
4	e4	d6	24	Qxhc	axbc	44	Kf2	Ra2+	64	Rxhs	ds+
5	d4	cxds	25	Rcc	Rxc	45	Ke1	Ra1+	65	Ke3	Kc3
6	Nxd4	g6	26	dxcc	Rcs	46	Kf2	Ra2+	66	Kxc4	d2
7	Be2	Bg7	27	Rd5	Rxc	47	Kg3	Ras+	67	Rd5	
8	Be3	Bd7	28	Rxb5	Kg2	48	Kh2	Rxc	68		
9	O-O	O-O	29	a4	h5	49	b7	Rbc	69		
10	Qd2	Ng4	30	h4	Kf6	50	b8	Rxb8	70		
11	Bxg4	Bxg4	31	fxg6	Fxg6	51	Rxb8	d5	71		
12	h3	Bd7	32	Kg3	e5	52	Kg3	Kd3	72		
13	Rac1	Re8	33	b4	g5	53	Kf2	e4	73		
14	Rfd1	bc	34	Kh3	g4+	54	Rbs+	Kc4	74		
15	b3	Qc8	35	Kh2	Ke3	55	Re3	Kda	75		
16	Kh2	Qb2	36	Kg3	Rca	56	Ke2	Ke5	76		
17	f4	Rac8	37	Rxb6	Rxc4	57	g3	Kda	77		
18	Qf2	Nxd4	38	a5	Re2	58	Kd2	Kc5	78		
19	Bxd4	Bxd4	39	a6	Ra2	59	Rcs+	Kda	79		
20	Qxd4	Bcc	40	b5	Kd5	60	Ras	Ke5	80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
<i>[Signature]</i>			<i>Yang</i>			<i>[Signature]</i>					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8.24

Group U16
Round 4
Board 8

WHITE Hein Myat Thu						FED MYA			RESULT (W) 1		
BLACK yang ya cheng						FED TPE			RESULT (B) 0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Nf3	c5	21	f4	b5	41	~~Kd3~~	Ra5	61	Kd3	d4
2	c4	Nf6	22	Nd5	Bxd5	42	Rc8	Ke4	62	Ke2	Kd5
3	Nc3	Nc6	23	cxbs	Qb6	43	bb	Ra3	63	Ra5	Kc4
4	e4	d6	24	Bxb6	axb6	44	Kf2	Ra2	64	Rxb5	d3
5	d4	cxds	25	Rc6	Rxb6	45	Ke1	Ra1	65	Ke3	Kc3
6	Nxd4	g6	26	~~Rc5~~	~~Rxc5~~	46	Kf2	Ra2	66	Kxc4	d2
7	Be2	Bg7	27	~~Rd5~~	~~Rxc~~	47	Kg3	Ra3	67	Rd5	
8	Be3	Bd7	28	~~Ka2~~	~~Kg2~~	48	Kh2	Rxc	68		
9	O-O	O-O	29	Ra5	h5	49	b7	Rb6	69		
10	Qd2	Ng4	30	h4	Kf6	50	b8	Rxb8	70		
11	Bxg4	Bxg4	31	fxg6	Fxg6	51	Rxb8	d5	71		
12	h3	Bd7	32	Kg3	e5	52	Kg3	Kd3	72		
13	Rac1	Re8	33	b4	g5	53	Kf2	e4	73		
14	Rfd1	bc	34	Kh3	g4	54	Rbs+	Kc4	74		
15	b3	Qc8	35	Kh2	Ke3	55	Re3	Kda	75		
16	Kh2	Qb2	36	Kg3	Rca	56	Ke2	Ke5	76		
17	f4	Rac8	37	Rxb6	Rxc4	57	g3	Kda	77		
18	Qf2	Nxd4	38	a5	Re2	58	Kd2	Kc5	78		
19	Bxd4	Bxd4	39	a6	Ra2	59	Rcs+	Kda	79		
20	Qxd4	Bcc	40	b5	Kd5	60	Ras	Ke5	80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
<i>[Signature]</i>			<i>Yang</i>			<i>[Signature]</i>					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date

Group

Round

Board

Date

WHITE						FED HKG		RESULT (W) 0			
BLACK						FED HKG		RESULT (B) 1			
Li Fei Yat						Li Yucheng Robinson					
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	d5	21	Bg2	e4	41			61		
2	d4	Nf6	22	c3	Bc4	42			62		
3	Nc3	e5	23	Rg1	Bc5	43			63		
4	dxe5	dxe5	24	Rd2	Rd8	44			64		
5	Qxd8	Kxd8	25	Rxd8	Rxd8	45			65		
6	Be3	Bd6	26	Bf1	Bxf2	46			66		
7	h3	Ke7	27	Rh1	Be3+	47			67		
8	0-0-0	Nd7	28	Kb1	Rd1+	48			68		
9	Nd5+	Nxd5	29	Kc2		49			69		
10	Rxd5	Nf6	30			50			70		
11	Bd1	Nxe4	31			51			71		
12	Nf3	f6	32			52			72		
13	Bd3	Nc5	33			53			73		
14	Bxc5	Bxc5	34			54			74		
15	Rf1	Be6	35			55			75		
16	a3	a5	36			56			76		
17	Ne1	c6	37			57			77		
18	Be4	f5	38			58			78		
19	Bf3	Bd6	39			59			79		
20	g3	Rc8	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Li Fei Yat			Robinson			Oan					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date

Group

Round

Board

Date

WHITE ~~Li Fei Yat~~						FED HKG		RESULT (W) 0			
BLACK Robinson						FED HKG		RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	d6	21	Bg2	e4	41			61		
2	d4	Nf6	22	c3	Bc4	42			62		
3	Nc3	e5	23	Rg1	Bc5	43			63		
4	de	de	24	Rd2	Rd8	44			64		
5	Qxd8	Kxd8	25	Rxd8	Rxd8	45			65		
6	Be3	Bd6	26	Bf1	Bf2	46			66		
7	h3	Ke7	27	Rh1	Be3	47			67		
8	0-0-0	Nd7	28	Kb1	Rd1	48			68		
9	Nd5	Nxd5	29			49			69		
10	Rd5	Nf6	30			50			70		
11	Rd1	Nxe4	31			51			71		
12	Nf3	f6	32			52			72		
13	Bd3	Nc5	33			53			73		
14	Bxc5	Bxc5	34			54			74		
15	Rf1	Be6	35			55			75		
16	a3	a5	36			56			76		
17	Ne1	c6	37			57			77		
18	Be4	f5	38			58			78		
19	Bf3	Bd6	39			59			79		
20	g3	Rc8	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Li Fei Yat			Robinson			Oan					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.08.24 Board 10

WHITE Gong Bonwano										FED		CWN		RESULT (W)	
BLACK Baasangombo										FED		MGL		RESULT (B)	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	C4	Nf6	21	Qd5	Nd5	41	Kd3	g5	61	Qg2	f5				
2	Nc3	b6	22	Rc6	Nc7	42	f7	g4	62	Kd7	g3				
3	d4	e6	23	Rd6	Rf8	43	g7	Qd	63	h3	f4				
4	Bg5	Bb7	24	Rd1	h6	44	b6	a2	64	Qf3	Qd4				
5	Nf3	Be7	25	g3	Nd5	45	b7	a1(a)	65	Kc7	Qc5				
6	e3	d6	26	Nc6	Kd7	46	B3(a)	Qd1	66	Kb7	Qd7				
7	Be2	Nd7	27	Nc5	Rc7	47	Kc4	Qe2	67	Kb7	Qd1				
8	O-O	O-O	28	Rd7	Ra7	48	Kd5	Qf3	68	Kb7	Qd7				
9	Nd2	a6	29	Rc7	Rc7	49	Kc5	Qc5	69	Kb6	Qd7				
10	Rf1	d5	30	e4	Nf1	50	Kd5	Qd3	70	Qa4	g2				
11	Rd1	c5	31	Rd6	Nd4	51	Kc5	Qf5	71	Qe5	Kg6				
12	cd	c	32	Rd6	Rd1	52	Kc6	Qe6	72	Qe4	Kg5				
13	d6	Bf3	33	Kg2	Rc2	53	Kc5	Qf5	73	Qd5	Kg7				
14	de	Qc7	34	Nd4	Rd2	54	Kc6	Qf4	74	Qe4	Kg7				
15	Qd3	dc	35	Kc3	Rd4	55	Qd1	Kg7	75	Qe5	Kf7				
16	Rd1	Qd4	36	Kc4	Rd2	56	Qc2	g7	76	Qc3	Kg7				
17	Nd4	b5	37	b4	Rf2	57	Kd5	h5	77	Qg7	Kf4				
18	a3	Qc5	38	Rd5	Rd5	58	Qc3	f6	78	Qc7	Kd4				
19	Bf6	Nf6	39	a4	h4	59	Qc2	Qc5	79	Qd4	Kc7				
20	Nd5	Qd5	40	Rf5	ef	60	Kc6	h4	80	Qc7	Kc2				
SIGNATURE (WHITE)					SIGNATURE (BLACK)					SIGNATURE (ARBITER)					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.08.24 Board 10

WHITE Gong Bonwano						FED		RESULT (W)			
BLACK Baasangombo						FED		RESULT (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Qd1	g1(w)	21			41			61		
2	Kc6	Qg6	22			42			62		
3	Kc5	Qg5	23			43			63		
4	Kd4	Qf4	24			44			64		
5	Kc5	Qe3	25			45			65		
6	Qd3	Kc3	26			46			66		
7	Kc5	h3	27			47			67		
8	Kd5	h2	28			48			68		
9	Kd6	h1(w)	29			49			69		
10	Kd5	Kd4	30			50			70		
11	Kd6	Kc5	31			51			71		
12	Kd7	Kc6	32			52			72		
13	Kd7	Qe4	33			53			73		
14	Kd7	Qe7	34			54			74		
15	Kd6	Qd7	35			55			75		
16	Kd5	Qd5	36			56			76		
17			37			57			77		
18			38			58			78		
19			39			59			79		
20			40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8.24 Board 10

WHITE Gong Bonwano										FED		RESULT (W)		
BLACK Baasangombo Bayartogtokh										FED		RESULT (B)		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK			
1	C4	Nf6	21	Qd5	Nd5	41	Kd3	g5	61	Qg2	f5			
2	Nc3	b6	22	Rc6	Nc7	42	f7	g4	62	Kd7	g3			
3	d4	e6	23	Rd6	Rf8	43	g7	Qd	63	h3	f4			
4	Bg5	Bb7	24	Rd1	h6	44	b6	a2	64	Qf3	Qd4			
5	Nf3	Be7	25	g3	Nd5	45	b7	a1(a)	65	Kc7	Qc5			
6	e3	d6	26	Nc6	Kd7	46	B3(a)	Qd1	66	Kb7	Qd7			
7	Be2	Nd7	27	Nc5	Rc7	47	Kc4	Qe2	67	Kb7	Qd1			
8	O-O	O-O	28	Rd7	Ra7	48	Kd5	Qf3	68	Kb7	Qd7			
9	Nd2	a6	29	Rc7	Rc7	49	Kc5	Qc5	69	Kb6	Qd7			
10	Bf3	d5	30	e4	Nf1	50	Kd5	Qd3	70	Qa4	g2			
11	Rd1	c5	31	Rd6	Nc4	51	Kc5	Qf5	71	Qe5	Kg6			
12	cd	cd	32	Rd6	Rd1	52	Kc6	Qe6	72	Qe4	Kg5			
13	d6	Bf3	33	Kg2	Rc2	53	Kc5	Qf5	73	Qd5	Kg7			
14	de	Qc7	34	Nd4	Rd2	54	Kc6	Qf4	74	Qe4	Kg7			
15	Qf3	dc	35	Kf3	Rd3	55	Qd1	Kg7	75	Qe5	Kf7			
16	Rc3	Qd4	36	Kc4	Rd2	56	Qc2	g7	76	Qc3	Kg7			
17	Nc4	b5	37	b4	Rf2	57	Kd5	h5	77	Qg7	Kf4			
18	a3	Qc5	38	Rd5	Rd5	58	Qc3	f6	78	Qc7	Kd4			
19	Bf6	Nf6	39	a4	h4	59	Qc2	Qc5	79	Qd4	Kc7			
20	Nd5	Qd5	40	Rf5	ef	60	Kc6	h4	80	Qc7	Kc2			
SIGNATURE (WHITE)					SIGNATURE (BLACK)					SIGNATURE (ARBITER)				

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8.24 Board 10

WHITE						Gong Bonwano		5.27		10							
BLACK						Baasangombo Bayartogtokh		FED		RESULT (W)							
								FED		RESULT (B)							
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK						
1	Qh3	g1-w	21			41			61								
2	Kc6	Qg6	22			42			62								
3	Kc5	Qg5	23			43			63								
4	Kd4	Qf4	24			44			64								
5	Kc5	Qe3	25			45			65								
6	Qe3	Kc3	26			46			66								
7	Kb5	h3	27			47			67								
8	Kb5	h2	28			48			68								
9	Ka6	h1-w	29			49			69								
10	Ka5	Kd4	30			50			70								
11	Ka6	Kc5	31			51			71								
12	Ka7	Kc6	32			52			72								
13	Kb8	Qe4	33			53			73								
14	Ka7	Qe7	34			54			74								
15	Ka6	Qb7	35			55			75								
16	Kc5	Qb5	36			56			76								
17			37			57			77								
18			38			58			78								
19			39			59			79								
20			40			60			80								
SIGNATURE (WHITE)						SIGNATURE (BLACK)						SIGNATURE (ARBITER)					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8-24-26

Group U16
Round 4
Board 11

B16-6-11
12:11

WHITE						FED		RESULT (W)			
Chang, Chung Min						TPE		1/2			
BLACK						FED		RESULT (B)			
Demos, Jenci Rehann P.						PHI		1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	c5	21	h4	h6	41	axb4	axb4	61		
2	c3	cxh4	22	Qg3	Nxe5	42	Ba6	Bd7	62		
3	cxh5	Nf6	23	fxc5	Qxd7	43	Be2	Bx4	63		
4	Nc3	d5	24	Rf2	Bh5	44	Ba6	kg6	64		
5	Nf3	e6	25	Rc2	Rc8	45			65		
6	Bf4	Bd6	26	Qb1	Bc2	46			66		
7	Bxd6	Qxd6	27	Rxc2	Rg8	47			67		
8	e3	O-O	28	Qc1	Bc2	48			68		
9	Bd7	Bd7	29	Qxc2	Be8	49			69		
10	O-O	Nc6	30	Kf1	Qc6	50			70		
11	a3	g6	31	Qxc6	Bxc6	51			71		
12	Nd4	Ne7	32	Ne1	Kf7	52			72		
13	Nc5	Bcb	33	Kd2	Ne1	53			73		
14	~~h4~~ Nf6	~~Bd7~~ Bg8	34	Kc3	g5	54			74		
15	Rc1	Nd7	35	Kd2	g5	55			75		
16	Ncxd7	Bxd7	36	hxg5	hxg5	56			76		
17	f4	f6	37	g3	Kf7	57			77		
18	Qh5	f5	38	Ke2	kg7	58			78		
19	Rf3	Be8	39	Kf2	Kh6	59			79		
20	Qg5	Ng6	40	Bc2	b4	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
harry			Jen			Cen					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8/24

Group B16
Round 4
Board 11

B16-6-11
12:11

WHITE						FED		RESULT (W)			
Chang Chung Min						TPE		1/2			
BLACK						FED		RESULT (B)			
Demos Jenci Rehann						PHI		1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	c5	21	h4	h6	41	axb4	axb4	61		
2	c3	cxh4	22	Qg3	Nxe5	42	Ba6	Bd7	62		
3	cxh4	Nf6	23	fxc5	Qd7	43	Be2	Ba4	63		
4	Nc3	d5	24	Rf2	Bh5	44	Ba6	Kg6	64		
5	Nf3	e6	25	Rfc2	Rfc8	45	Ke2		65		
6	Bf4	Bd6	26	Qe1	Rxc2	46			66		
7	Bxd6	Qxd6	27	Rxc2	Rc8	47			67		
8	e3	O-O	28	Qc1	Rxc2	48			68		
9	Bd3	Bd7	29	Qxc2	Be8	49			69		
10	O-O	Nc5	30	Kf1	Qc6	50			70		
11	a3	g6	31	Qxc6	Bxc6	51			71		
12	Na4	Ne7	32	Ke1	Kf7	52			72		
13	Nc5	Bc5	33	Kd2	Ke7	53			73		
14	Ne5	b5	34	Kc3	~~Kd2~~	54			74		
15	Rc1	Ne7	35	~~g5~~ Kd2	~~Bd7~~ Bg8	55			75		
16	Ncxd7	Bxd7	36	~~hxg5~~ Kd2	~~hxg5~~ Bg8	56			76		
17	f4	f6	37	~~g3~~ Kd2	~~Kf7~~ Kf7	57			77		
18	Qh5	f5	38	Ke2	Kg7	58			78		
19	Rf3	Be8	39	~~Kf2~~ Kd2	~~Kh6~~ Kh6	59			79		
20	Qg5	Ng6	40	Be2	b4	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
ning			Jen			Cen					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date
8.24

Group
V16
Round
4

Board
12

WHITE Guo Shanglin											
BLACK Lin Fung Ming Nathan											
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Nf6	ef	41	Qd8	Ge7	61		
2	Nf3	db	22	Rb2	h6	42	Qh8	Le6	62		
3	Bb5	Bd7	23	Qd4	ah5	43	cc8	ad7	63		
4	Bd7	ad7	24	Rd1	Qe5	44	Qc4	Ke7	64		
5	c4	Nc6	25	Qg1	Qf4	45	Qas	Ce6	65		
6	d4	cd	26	h3	Rd2	46	Uhs	Lf6	66		
7	Nd4	Nf6	27	Rd2	Ce2	47	Qd8	fe	67		
8	Nc3	g6	28	Ce7	Lg7	48	fe	Lc5	68		
9	f3	Bg7	29	Ce7	h5	49	Ce7	Qc4	69		
10	Be3	g6	30	Lh2	Cf4	50	Lg9	Ce1	70		
11	Cc0	0-0	31	Lh2	Ce5	51	Lh2	Cf4	71		
12	Rac1	Nd4	32	Lh1	Ce6	52	Lh1	Qe4	72		
13	Bd4	b5	33	Qe6	h4	53	Ce7	Lf4	73		
14	cb	ab	34	Lg1	g5	54	Ce6		74		
15	g3	Rf6	35	Lf2	Lg6	55			75		
16	Lh1	h4	36	Ce7	Kg7	56			76		
17	ab	Rb4	37	Qc6	Qe5	57			77		
18	Rc2	Rab8	38	Lf1	Kg6	58			78		
19	Bf6	Bf6	39	Qc8	f5	59			79		
20	Nc5	Rb2	40	Cg8	Kf6	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Guo Shanglin			Nathan			Can					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date

Group
B10
Round
4

Board
12

WHITE Guo Shanglin											
BLACK Lin Fung Ming Nathan											
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	ep	c5	21	Nf6	ef	41	Qd8	Ge7	61		
2		db	22	Rb2	h6	42	Qh8	Le6	62		
3	Bb5	Bd7	23	Qd4	ah5	43	cc8	ad7	63		
4	Bd7	ad7	24	Rd1	Qe5	44	Qc4	Ke7	64		
5	c4	Nc6	25	Qg1	Qf4	45	Qas	Ce6	65		
6	d4	cd	26	h3	Rd2	46	Uhs	Lf6	66		
7	Nd4	Nf6	27	Rd2	Ce2	47	Qd8	fe	67		
8	Nc3	g6	28	Ce7	Lg7	48	fe	Lc5	68		
9	f3	Bg7	29	Ce7	h5	49	Ce7	Qc4	69		
10	Be3	g6	30	Lh2	Cf4	50	Lg9	Ce1	70		
11	Cc0	0-0	31	Lh2	Ce5	51	Lh2	Cf4	71		
12	Rac1	Nd4	32	Lh1	Ce6	52	Lh1	Qe4	72		
13	Bd4	b5	33	Qe6	h4	53	Ce7	Lf4	73		
14	cb	ab	34	Lg1	g5	54	Ce6		74		
15	g3	Rf6	35	Lf2	Lg6	55			75		
16	Lh1	h4	36	Ce7	Kg7	56			76		
17	ab	Rb4	37	Qc6	Qe5	57			77		
18	Rc2	Rab8	38	Lf1	Kg6	58			78		
19	Bf6	Bf6	39	Qc8	f5	59			79		
20	Nc5	Rb2	40	Cg8	Kf6	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Guo Shanglin			Nathan			Can					